

Số: 388 /QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Thông tin tuyển sinh Đại học chính quy năm 2026

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐHVCSPT ngày 02/11/2021 của Hội đồng Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Nghị Quyết số 11/NQ-HĐHVCSPT ngày 24/4/2025 của Hội đồng học viện Học viện Chính sách và Phát triển sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-HVCSPT ngày 10/4/2026 của Giám đốc Học viện Chính sách và phát triển ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Học viện Chính sách và Phát triển;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Thông tin tuyển sinh Đại học chính quy năm 2026 của Học viện Chính sách và Phát triển.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Hội đồng tuyển sinh (để báo cáo);
- Ban Giám đốc Học viện (để chỉ đạo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.

GIÁM ĐỐC



PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

## THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

### Hình thức đào tạo: Đại học chính quy

(Kèm theo Quyết định số 388/QĐ-HVCSPT ngày 20/11/2026  
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

#### I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở đào tạo: Học viện Chính sách và Phát triển (HVCSPT)**  
Tên tiếng Anh: Academy of Policy and Development (APD)
- Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: HCP**
- Địa chỉ trụ sở chính:** Khu đô thị Nam An Khánh, xã An Khánh, thành phố Hà Nội.
- Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <https://apd.edu.vn>;  
<https://tuyensinh.apd.edu.vn>
- Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh:** <https://apd.edu.vn>;  
<https://tuyensinh.apd.edu.vn>
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 0523.333.599 – 0523.333.588
- Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:**  
<https://apd.edu.vn>

#### II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

##### 1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

##### 1.1. Đối tượng, điều kiện chung

Đối tượng, điều kiện tuyển sinh theo Điều 5 Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện Chính sách và Phát triển (sau đây gọi tắt là Học viện), cụ thể như sau:

(1) Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT), Trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

(2) Người dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;

- b) Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

**1.2 Phạm vi tuyển sinh:** Học viện tuyển sinh trong cả nước.

## 2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Năm 2026, HVCSPT tuyển sinh theo các phương thức và chỉ tiêu như sau:

TT	Phương thức tuyển sinh	Chỉ tiêu
1	Xét tuyển thẳng	1%
2	Xét tuyển theo kết quả điểm thi TN THPT năm 2026	99%
3	Xét tuyển kết hợp	

**2.1. Xét tuyển thẳng** áp dụng cho các đối tượng theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) và theo quy định của Học viện, cụ thể như sau:

- Thí sinh đoạt giải Nhất, giải Nhì, giải Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng và tốt nghiệp THPT năm 2026 được xét tuyển thẳng vào ngành/chương trình đào tạo thí sinh đăng kí theo chỉ tiêu phân bổ của Học viện.

- Thí sinh đoạt giải Nhất trong kỳ thi khoa học kỹ thuật cấp Quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng và tốt nghiệp THPT năm 2026, đồng thời phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành, chương trình đào tạo được xét tuyển thẳng vào các ngành theo danh mục thông báo của Học viện. Đối với các thí sinh đối tượng khác theo thông báo cụ thể của Học viện.

**2.2. Xét tuyển theo kết quả điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2026** áp dụng cho các đối tượng thí sinh có điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2026; áp dụng cho tất cả các mã tuyển sinh năm 2026 của Học viện tại mục 4. Học viện sử dụng 08 tổ hợp là A00 (Toán-Lý-Hóa), A01 (Toán-Lý-Anh), D01 (Toán-Văn-Anh), D07 (Toán-Hóa-Anh), D09 (Toán-Sử-Anh), C00 (Văn-Sử-Địa), C14 (Toán-Văn-Giáo dục Kinh tế và Pháp luật), X25 (Toán-Anh-Giáo dục Kinh tế và Pháp luật).

**2.3. Xét tuyển kết hợp** áp dụng với tất cả các mã tuyển sinh năm 2026 và cho các thí sinh như sau:

**(1) Thí sinh có kết quả điểm thi Tốt nghiệp THPT 2026 kết hợp với điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 thuộc các tổ hợp xét tuyển của Học viện.**

Thí sinh sử dụng kết quả điểm thi Tốt nghiệp THPT 2026 của 02 môn trong tổ hợp xét tuyển kết hợp với điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển để xét tuyển.

**(2) Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội (HSA) từ 75 điểm trở lên hoặc có điểm thi đánh giá tư duy của Đại học Bách Khoa Hà Nội (TSA) từ 50 điểm trở lên.**

Các điểm thi HSA/TSA có thời hạn trong các năm 2024, 2025, 2026.

(3) Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.0 trở lên hoặc TOEFL iBT từ 50 trở lên hoặc TOEIC 4 kĩ năng từ 550 trở lên kết hợp với 02 điểm thi Tốt nghiệp THPT năm 2026 của môn Toán và 01 môn khác môn tiếng Anh thuộc các tổ hợp xét tuyển của Học viện (Văn, Lý, Hóa, Sử hoặc Giáo dục Kinh tế và Pháp luật).

(4) Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.0 trở lên hoặc TOEFL iBT từ 50 trở lên hoặc TOEIC 4 kĩ năng từ 550 trở lên kết hợp với 02 điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10,11,12 của môn Toán và 01 môn khác môn tiếng Anh thuộc các tổ hợp xét tuyển của Học viện (Văn, Lý, Hóa, Sử hoặc Giáo dục Kinh tế Pháp luật),

Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS/TOEFL iBT/TOEIC được các tổ chức quốc tế cấp từ ngày 01/6/2024 đến thời điểm kết thúc nộp hồ sơ xét tuyển kết hợp vào Học viện Chính sách và Phát triển năm 2026.

\* **Lưu ý:** Học viện không chấp nhận đối với tất cả các chứng chỉ có hình thức thi “Home edition”.

Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế được quy đổi điểm như sau:

**Bảng quy đổi điểm chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế sang thang điểm 10**

IELTS Academic	TOEFL iBT	TOEFL ITP	TOEIC 4 kĩ năng	CAMBRIDGE	Điểm quy đổi
5.0	50	463	550	151	9,0
5.5	61	500	600	160	9,2
6.0	62	505	620	163	9,5
6.5	63	510	640	166	9,8
7.0 trở lên	66 trở lên	513 trở lên	650 trở lên	170 trở lên	10,0

**Bảng quy định mức cộng điểm khuyến khích chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đối với thí sinh không thực hiện quy đổi chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế**

IELTS Academic	TOEFL iBT	TOEFL ITP	TOEIC 4 kĩ năng	CAMBRIDGE	Điểm cộng khuyến khích
5.0 – 6.0	50 - 62	463 - 505	550 - 620	151 - 163	1
6.5 trở lên	63 trở lên	510 trở lên	640 trở lên	166 trở lên	1.5

**3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh**

**3.1. Quy đổi ngưỡng đầu vào:** Học viện sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, đối với phương thức xét tuyển kết hợp, ngưỡng đầu vào là điều kiện nộp hồ sơ của từng đối tượng trong mỗi nhóm xét tuyển kết hợp.

**3.2. Quy đổi điểm trúng tuyển:** Học viện sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

**4. Số lượng tuyển sinh**

**4.1. Chỉ tiêu tuyển sinh:** 2.550

**4.2. Ngành/chương trình đào tạo**

**Mã xét tuyển: HCP**

STT	Mã ngành	Tên ngành	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Số lượng tuyển sinh	Tổ hợp tuyển sinh	Ghi chú
<b>I. Chương trình đào tạo chất lượng cao</b>					<b>350</b>		
1	7310106	Kinh tế quốc tế	7310106_1	Kinh tế đối ngoại chất lượng cao	100	A01, D01, D07, X25	Chương trình giảng dạy bằng Tiếng Anh
2	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101_1	Quản trị kinh doanh chất lượng cao	100	A01, D01, D07, X25	Chương trình giảng dạy bằng Tiếng Anh
3	7340201	Tài chính – Ngân hàng	7340201_1	Tài chính chất lượng cao	100	A01, D01, D07, X25	Chương trình giảng dạy bằng Tiếng Anh
4	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101_2	Quản trị dịch vụ cao cấp	50	A01, D01, D07, X25	
<b>II. Chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp quốc tế</b>					<b>150</b>		
1	7460108	Khoa học dữ liệu	7460108	Khoa học dữ liệu	100	A00, A01, D01, D07	
2	7340301	Kế toán	7340301_2	Kế toán (Định hướng ACCA)	50	A00, A01, D01, D07	
<b>III. Chương trình đào tạo chuẩn</b>					<b>2050</b>		

STT	Mã ngành	Tên ngành	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Số lượng tuyển sinh	Tổ hợp tuyển sinh	Ghi chú
1	7310106	Kinh tế quốc tế	7310106	Kinh tế quốc tế	200	A00, A01, D01, D07	
2	7340115	Marketing	7340115	Marketing	150	A01, D01, D07, X25	
3	7340201	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	320	A01, D01, D07, X25	
4	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	150	A00, A01, D01, D07	
5	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	150	A01, D01, D07, X25	
6	7380107	Luật Kinh tế	7380107	Luật Kinh tế	200	C00, A01, D01, X25	
7	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Tiếng Anh trong Kinh tế và kinh doanh	100	A01, D01, D07, D09	
8	7310101	Kinh tế	7310101	Kinh tế nguồn nhân lực	100	A01, D01, D07, X25	
			7310101	Đấu thầu và Quản lý dự án	60	A01, D01, D07, X25	
9	7310105	Kinh tế phát triển	7310105	Kinh tế phát triển	150	A00, A01, D01, D07	
10	7310109	Kinh tế số	7310109	Kinh tế và kinh doanh số	120	A00, A01, D01, D07	
11	7310205	Quản lý nhà nước	7310205	Quản lý công	100	C00, C14, D01, X25	
12	7310104	Kinh tế đầu tư	7310104	Kinh tế đầu tư	150	A01, D01, D07, X25	
13	7340302	Kiểm toán	7340302	Kiểm toán	100	A00, A01, D01, D07	
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>2.550</b>		

### 5. Các thông tin cần thiết khác

### **5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển**

Học viện không tổ chức sơ tuyển, không áp dụng thêm tiêu chí phụ trong xét tuyển ngoài các quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **5.2. Điểm cộng (theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo)**

Tổng điểm cộng không vượt quá 3,0 điểm (đối với thang điểm 30).

**a) Điểm thưởng (dành cho đối tượng ưu tiên xét tuyển):** Thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng tại mục 2.1 nếu không sử dụng quyền tuyển thẳng thì được cộng điểm thưởng vào tổng điểm xét tuyển như sau:

- Giải Nhất: cộng 2,0 điểm;
- Giải Nhì: cộng 1,5 điểm;
- Giải Ba: cộng 1,0 điểm.

**b) Điểm xét thưởng:** Thí sinh đạt giải trong cuộc thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố các môn thuộc tổ hợp xét tuyển của ngành/chương trình thì được cộng điểm thưởng vào tổng điểm xét tuyển như sau:

- Giải Nhất: cộng 1,5 điểm;
- Giải Nhì: cộng 1,0 điểm;
- Giải Ba: cộng 0,5 điểm.

**c) Điểm khuyến khích (dành cho thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ):** Áp dụng đối với thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế và không sử dụng chứng chỉ để xét tuyển kết hợp (quy đổi điểm):

- IELTS  $\geq 5.0$  và tương đương: cộng 1,0 điểm;
- IELTS  $> 6.0$  và tương đương: cộng 1,5 điểm.

### **5.3. Các thông tin khác**

- Học viện xét tuyển (đối với từng thí sinh) theo mức độ ưu tiên từ cao xuống thấp trong các nguyện vọng đã đăng ký (Nguyện vọng 1 là nguyện vọng ưu tiên cao nhất). Thí sinh được đăng ký tối đa 15 nguyện vọng theo mã ngành/chương trình và chỉ trúng tuyển 01 (một) nguyện vọng có ưu tiên cao hơn và sẽ không được xét các nguyện vọng có mức độ ưu tiên tiếp theo.

- Học viện xét tuyển theo mã ngành/chương trình, lấy điểm từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu, không phân biệt thứ tự nguyện vọng giữa các thí sinh.

- Điểm xét tuyển theo thang điểm 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân.

- Học viện không sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn Ngoại ngữ và điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi Tốt nghiệp THPT, kỳ thi THPT quốc gia các năm từ 2025 trở về trước để xét tuyển; không cộng điểm ưu tiên thí sinh có chứng chỉ nghề.

### **6. Tổ chức tuyển sinh**

- Học viện xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh chung năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Hình thức tuyển sinh: trực tuyến/online, cụ thể:

+ Với xét tuyển thẳng: Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển trực tuyến/online trên hệ thống của Học viện và theo thông báo chi tiết của Học viện.

+ Với xét tuyển kết hợp: Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển kết hợp trực tuyến/online trên hệ thống của Học viện và trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo thông báo chi tiết của Học viện và kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **7. Chính sách ưu tiên**

### **7.1. Chính sách ưu tiên chung**

Học viện áp dụng chính sách ưu tiên chung theo quy chế tuyển sinh hiện hành theo khu vực và theo đối tượng, cụ thể:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng ưu tiên 1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng ưu tiên 2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

- Các mức điểm ưu tiên được quy định nêu trên tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số).

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định}$$

- Thí sinh chỉ được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm Tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

### **7.2. Xét tuyển thẳng**

Học viện xét tuyển thẳng cho các đối tượng theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*Lưu ý:* Tổng điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích (gọi chung là điểm cộng) đối với thí sinh xét tuyển thẳng không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (tối đa 3 điểm đối với thang điểm 30).

## **8. Lệ phí xét tuyển**

Lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo thông báo của Học viện.

## **9. Học viện thực hiện các cam kết đối với thí sinh**

Học viện cam kết giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh theo pháp luật hiện hành của Nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

## **10. Các nội dung khác**

### **10.1. Thông tin về học phí**

- Học phí đại học chính quy chương trình chuẩn: theo ngành/chương trình học năm học 2026 – 2027: 28 triệu đồng/năm học.

- Học phí đại học chính quy các chương trình chất lượng cao, chương trình định hướng nghề nghiệp quốc tế: theo ngành/chương trình học năm học 2026 - 2027: 35 triệu đồng/năm học.

- Lộ trình tăng học phí thực hiện theo Nghị định số 238/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ trong đó mức điều chỉnh tăng tối đa không quá 15%.

### **10.2. Thông tin về học bổng**

Học viện thực hiện chính sách học bổng theo quy định Nhà nước đối với trường công lập bao gồm:

- **Học bổng khuyến khích học tập:** Được tính với mức 10 tháng/năm học; 05 tháng/kỳ học (02 học kỳ/năm học):

<b>TT</b>	<b>Xếp loại học tập</b>	<b>Mức học bổng</b>
1	Khá	100% mức học phí
2	Giỏi	120% mức học phí
3	Xuất sắc	150% mức học phí

- **Học bổng cho thủ khoa đầu vào:** Học phí học kỳ I năm thứ nhất.

- **Các chính sách học bổng, hỗ trợ khác:** Học bổng tiếp sức đến trường; Hỗ trợ cho sinh viên nghèo vượt khó học tập; Hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đột xuất; Hỗ trợ Ban cán sự lớp; cán bộ Đoàn Thanh niên; khen thưởng... được thực hiện theo quy định của Học viện.

### **10.3. Các chương trình trao đổi sinh viên với nước ngoài**

Học viện tiếp tục triển khai các chương trình trao đổi sinh viên với các đại học đối tác tại nước ngoài theo thời gian ngắn hạn. Đây là cơ hội cho sinh viên, học viên có những trải nghiệm học tập, tìm hiểu văn hóa đời sống và giao lưu với sinh viên các nước trên thế giới.

## **11. Thông tin về tuyển sinh của 02 năm gần nhất**

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 02 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của Học viện Chính sách và Phát triển: <https://apd.edu.vn>, <https://tuyensinh.apd.edu.vn>

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành	Phương thức xét tuyển	Năm 2024			Năm 2025		
					Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1		<b>Ngành Quản trị kinh doanh</b>	<b>7340101</b>	Xét kết quả thi Tốt nghiệp THPT	300	294		170	200	
	<b>7340101</b>	Quản trị kinh doanh		Xét kết quả thi Tốt nghiệp THPT		244	24,68		145	22,3
	<b>7340101_1</b>	Quản trị kinh doanh chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh		Xét kết quả thi Tốt nghiệp THPT		50	33,33*		55	28,91*
2		<b>Ngành Tài chính – Ngân hàng</b>	<b>7340201</b>	Xét kết quả thi Tốt nghiệp THPT	290	317		330	265	
	<b>7340201</b>	Tài chính – Ngân hàng		Xét kết quả thi Tốt nghiệp THPT		260	25,26		-	-
	<b>7340201_2</b>	Tài chính – Ngân hàng chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Việt		Xét kết quả thi Tốt nghiệp THPT		-	-		205	26,54*
	<b>7340201_1</b>	Tài chính – Ngân hàng chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh		Xét kết quả thi Tốt nghiệp THPT		57	33,30*		60	29,9*
3	<b>7340301</b>	<b>Ngành Kế toán</b>	<b>7340301</b>	Xét kết quả thi Tốt nghiệp THPT	100	113	25,84	100	164	23,23
4	<b>7340115</b>	<b>Ngành Marketing</b>	<b>7340115</b>	Xét kết quả thi Tốt nghiệp THPT		-	-	160	176	28,66*
5	<b>7380107</b>	<b>Ngành Luật Kinh tế</b>	<b>7380107</b>	Xét kết quả thi	100	97	27,43	200	192	24,73

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành	Phương thức xét tuyển	Năm 2024			Năm 2025		
					Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
				Tốt nghiệp THPT						
6	7220201	Ngành Ngôn ngữ Anh	7220201	Xét kết quả thi Tốt nghiệp THPT	100	100	33,05*	100	107	30,02*
7	7310101	Ngành Kinh tế	7310101	Xét kết quả thi Tốt nghiệp THPT	300	306	24,83	300	294	22,02
8	7310105	Ngành Kinh tế phát triển	7310105	Xét kết quả thi Tốt nghiệp THPT	100	95	25,43	100	106	22,36
9	7310106	Ngành Kinh tế quốc tế	7310106	Xét kết quả thi Tốt nghiệp THPT	290	293		270	312	
	7310106	Kinh tế quốc tế		Xét kết quả thi Tốt nghiệp THPT		234	25,01		212	22,00
	7310106_2	Kinh doanh toàn cầu		Xét kết quả thi Tốt nghiệp THPT		-	-		43	27,14
	7310106_1	Kinh tế quốc tế chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh		Xét kết quả thi Tốt nghiệp THPT		59	32,85*		57	28,61*
10	7310109	Ngành Kinh tế số	7310109	Xét kết quả thi Tốt nghiệp THPT	120	131	25,53	120	128	23,35
11	7310205	Ngành Quản lý Nhà nước	7310205	Xét kết quả thi Tốt nghiệp THPT	70	92	25,57	100	103	24,39

Ghi chú: \* Thang điểm 40

Học viện Chính sách và Phát triển sẽ cập nhật thông tin tuyển sinh ngay sau khi có thông tin cập nhật của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2026*

**Cán bộ tuyển sinh**  
Nguyễn Đức Hiếu  
Điện thoại: 0946672345  
Email: [hieund@apd.edu.vn](mailto:hieund@apd.edu.vn)

**GIÁM ĐỐC**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**



**PGS.TS Trần Trọng Nguyên**